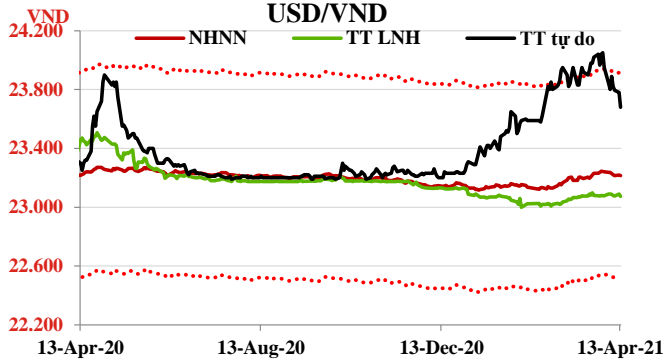


Tin trong nước ngày 13/04

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 13/04, tỷ giá trung tâm được NHNN niêm yết ở mức 23.214 VND/USD, giảm trở lại 04 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua kỳ hạn 6 tháng được giữ nguyên niêm yết ở mức 23.125 VND/USD. Tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.860 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 23.074 VND/USD, giảm 16 đồng so với phiên 12/04. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm mạnh 130 đồng ở chiều mua vào và 100 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.600 - 23.680 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 13/04, lãi suất chào bình quân LNH VND tiếp tục tăng 0,01 – 0,06 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, chốt phiên ở mức: ON 0,45%; 1W 0,54%; 2W 0,66% và 1M 0,81%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 đpt ở các kỳ hạn ON và 2W trong khi giữ nguyên ở các kỳ hạn 1W và 1M, giao dịch tại: ON 0,14%; 1W 0,19%; 2W 0,24%, 1M 0,34%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng ở các kỳ hạn ngắn trong khi giảm ở kỳ hạn 10Y và giữ nguyên ở kỳ hạn 15Y, chốt phiên tại: 3Y 0,69%; 5Y 1,17%; 7Y 1,52%; 10Y 2,41%; 15Y 2,62%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 1.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này.
- Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, thị trường chứng khoán đảo chiều nhẹ, cả 3 chỉ số đều giao dịch dưới mức tham chiếu khi chịu áp lực chốt lời từ các nhà đầu tư. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 4,12 điểm (-0,33%) xuống 1.248,33 điểm; HNX-Index giảm 3,34 điểm (-1,13%) xuống 292,19 điểm; UPCoM-Index giảm 0,97 điểm (-1,15%) xuống 83,13 điểm. Thanh khoản thị trường tiếp tục tăng mạnh với tổng giá trị giao dịch đạt gần 29.000 tỷ đồng. Khối ngoại mua ròng gần 187 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 3 tháng đầu năm 2021, giải ngân vốn đầu tư công rất chậm, chỉ đạt 60.749,635 tỷ đồng, bằng 13,17% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (461.300 tỷ đồng), tương đương cùng kỳ năm 2020. Hầu hết các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt dưới 10%, trong đó có 31 Bộ chưa giải ngân kế hoạch vốn. Bên cạnh đó, tỷ lệ giải ngân vốn của các dự án trọng điểm đạt thấp: Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 đạt 13,3% kế hoạch; Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành đạt 14,65% kế hoạch. Ngoài ra, giải ngân vốn nước ngoài đạt chỉ 0,66% kế hoạch (gần như chưa giải ngân), thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2020 (4,99%).**


Lãi suất LNH
Trái phiếu

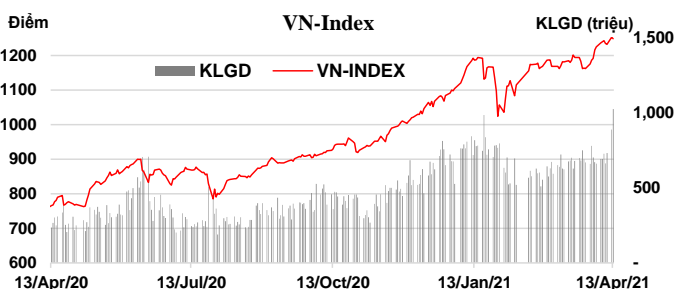
Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.45	0.04	0.14	-0.01	3Y	0.69	0.005
1W	0.54	0.04	0.19	0.00	5Y	1.17	0.018
2W	0.66	0.06	0.24	-0.01	7Y	1.52	0.004
1M	0.81	0.01	0.34	0.00	10Y	2.41	-0.004
2M	1.03	0.04	0.44	0.00	15Y	2.62	0.000
3M	1.23	0.00	0.57	0.00			
6M	1.94	0.10	0.87	-0.02			
9M	2.58	0.00	1.18	-0.02			
1Y	2.97	-0.09	1.23	-0.02			

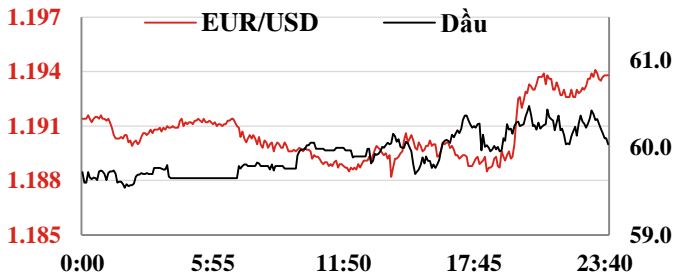
Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

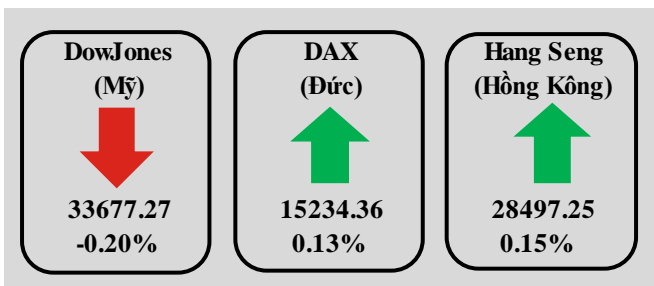
Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành
13-04-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
12-04-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
09-04-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1248.33	292.19	83.13
%/ngày	-0.33%	-1.13%	-1.15%
%/31/12/2020	13.09%	43.9%	11.7%
KLGD (tr.d.v)	1027.09	227.37	114.6
GTGD (tỷ đ)	23470.49	3911.37	1556.16
NDINN mua (tỷ đ)	2112.07	83.78	1.31
NDINN bán (tỷ đ)	1984.63	24.13	1.53





	13 Apr 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	91.85	-0.31%	-0.52%	2.13%
USD/CNY	6.54	-0.02%	0.09%	0.28%
USD/EUR	0.84	-0.31%	-0.59%	2.24%
USD/JPY	109.05	-0.29%	-0.63%	5.63%
USD/KRW	1121.37	-0.26%	0.20%	3.40%
USD/SGD	1.34	0.02%	0.18%	1.53%
USD/TWD	28.41	-0.10%	-0.09%	1.19%
USD/THB	31.51	0.10%	0.70%	4.89%
USD/VND Trung tâm	23214	-0.02%	-0.10%	0.36%
USD/VND LNH	23074	-0.07%	-0.07%	-0.06%
USD/VND tự do	23600	-0.55%	-0.92%	1.29%
Vàng	1743.83	0.65%	0.01%	-8.05%
Dầu	60.18	0.80%	1.43%	24.03%



Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0748	0.0013		
SW	0.0823	0.0034		
1M	0.1146	0.0024	0.2813	0.0000
2M	0.1424	-0.0005		
3M	0.1838	-0.0020	0.4375	0.0000
6M	0.2195	0.0049	0.5932	0.0000
1Y	0.2878	0.0034	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 12/04/2021

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	28/04/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	22/04/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	06/05/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	27/04/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	04/05/2021

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

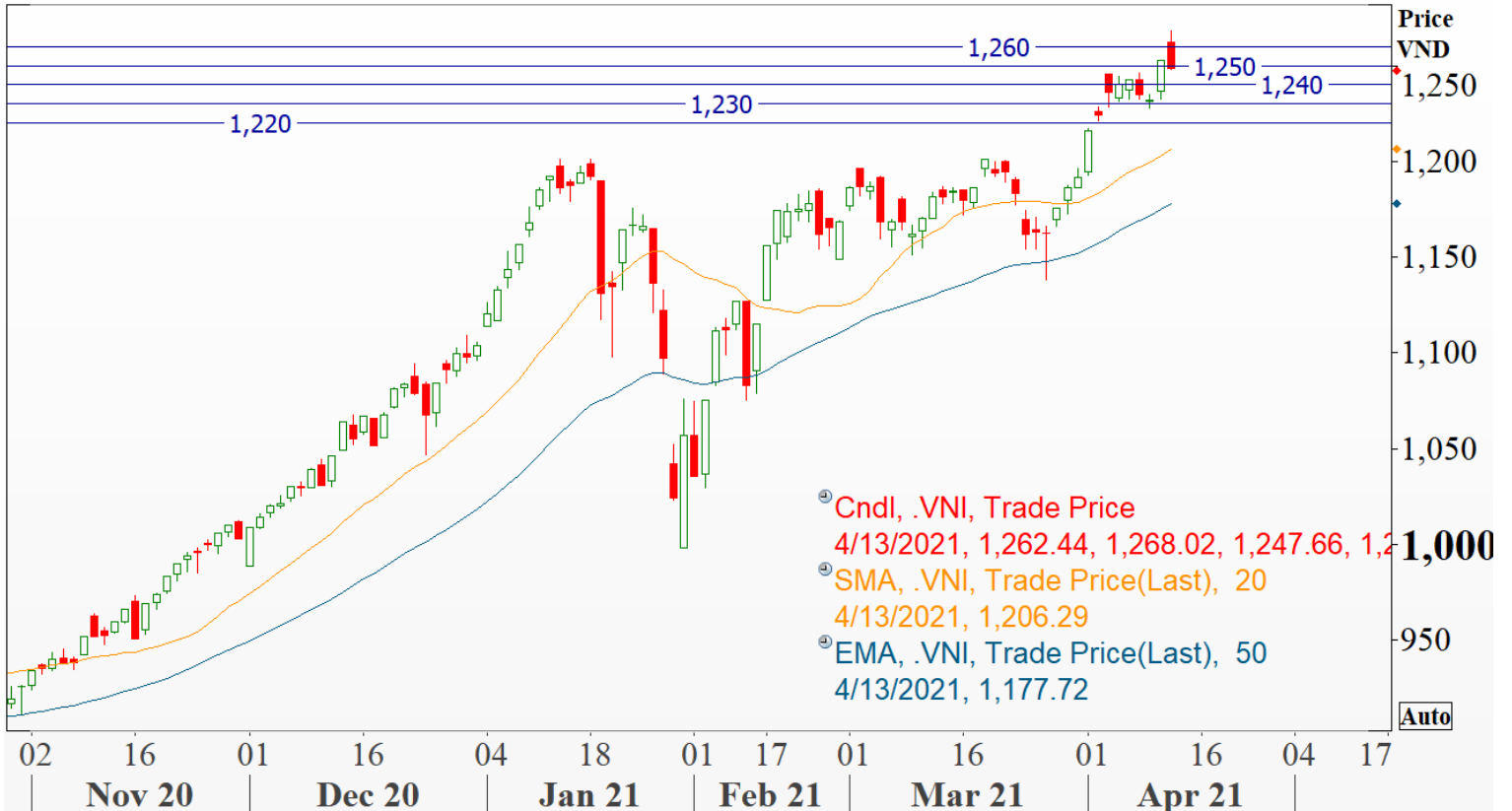
- Chỉ số giá tiêu dùng tại Mỹ tiếp tục đà tăng nhanh trong tháng vừa qua.** Văn phòng Thống kê Lao động Mỹ cho biết CPI và CPI lõi tại nước này lần lượt tăng 0,6% và 0,3% m/m trong tháng 3 sau khi tăng 0,4% và 0,1% trong tháng 2, đồng thời vượt qua mức tăng 0,5% và 0,2% theo dự báo. Như vậy, CPI toàn phần của nước Mỹ trong tháng 3 đã tăng 2,6% y/y, và CPI lõi tăng 1,6%. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến CPI toàn phần tăng mạnh chính là sự leo thang của giá dầu trong suốt một năm vừa qua, với mức tăng 9,1% y/y vào thời điểm kết thúc tháng 3. Bên cạnh đó, các nhà phân tích cho rằng CPI toàn phần ở mức cao như vậy do “hiệu ứng nền” của dịch Covid-19. Trong tháng 3 năm ngoái, dịch Covid-19 bùng nổ tại nước Mỹ và để lại khoảng 22 triệu người thất nghiệp, kéo theo tất cả các chỉ số giá cả đi xuống. Trong thời gian gần đây, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed luôn nhấn mạnh lạm phát có thể tăng lên cao trong năm 2021 nhưng chỉ là tạm thời, cơ quan này không kỳ vọng đưa ra bất cứ đợt tăng LSCS nào kể từ nay cho tới năm 2023.
- Mỹ thâm hụt ngân sách kỷ lục.** Bộ Tài chính nước này cho biết thâm hụt ngân sách trong 6 tháng đầu tài khóa 2021 (từ 10/2020 đến 03/2021) ở mức 1.700 tỷ USD, tăng 130% so với mức thâm hụt 743 tỷ USD của cùng kỳ tài khóa trước. Đây là mức thâm hụt lớn nhất của Mỹ kể từ CCTG thứ hai (tính theo % GDP).
- Niềm tin kinh tế tại Đức không tích cực như dự báo.** Tổ chức ZEW cho biết niềm tin kinh tế tại nước Đức ở mức 70,7 điểm trong tháng 4, giảm từ mức 76,6 điểm của tháng trước đó và trái với kỳ vọng tăng lên mức 79,1 điểm. Đây là tháng đầu tiên mức niềm tin tại nước Đức giảm xuống kể từ tháng 11/2020. Theo đó, niềm tin kinh tế tại Eurozone cũng giảm xuống còn 66,3 điểm từ mức 74,0 điểm, trái với kỳ vọng tăng lên 77,2 điểm.
- Nước Anh đón một số thông tin kinh tế trái chiều.** Đầu tiên, GDP nước này tăng 0,4% m/m trong tháng 2 sau khi giảm 2,2% ở tháng 1, gần khớp với kỳ vọng tăng 0,5%. Tiếp theo, sản lượng xây dựng nước Anh tăng 1,6% m/m trong tháng 2 sau khi đi ngang ở tháng 1 (0,0% m/m), mạnh hơn mức tăng 0,6% theo dự báo. Cuối cùng, sản lượng công nghiệp tăng 1,0% m/m trong tháng 2 sau khi giảm 1,8% trong tháng trước đó, mạnh hơn mức tăng 0,5% theo dự báo.
- Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
13-04	Tentative	**	Cán cân thương mại Trung Quốc T3 (theo USD)	13.8	52.0B	103.3B
13-04	13:00	*	Sản lượng xây dựng Anh mm T2	1.6	0.5	0.0
13-04	13:00	*	GDP nước Anh mm T2	0.4	0.5	-2.2
13-04	13:00	*	Sản lượng công nghiệp Anh mm T2	1.0	0.5	-1.8
13-04	16:00	*	Niềm tin kinh tế ZEW Eurozone T4	70.7	77.2	74.0
13-04	19:30	***	CPI Mỹ mm T3	0.6	0.5	0.4
13-04	19:30	***	CPI lõi Mỹ mm T3	0.3	0.2	0.1
14-04	6:50	*	Giá trị đơn đặt hàng nhà máy lõi Nhật Bản mm T2		2.4	-4.5
14-04	7:30	*	Niềm tin tiêu dùng Westpac Úc mm T4			2.6
14-04	19:30	*	Chỉ số giá nhập khẩu Mỹ mm T3		1.0	1.3

VN-INDEX

Daily .VNI

10/29/2020 - 5/17/2021 (HAN)



VN-Index giảm xuống mức 1.248,33 điểm. Xu hướng tăng ngắn hạn vẫn đang được duy trì với kỳ vọng hướng đến thử thách vùng kháng cự 1.280-1.300 điểm, tuy nhiên, thị trường có thể xuất hiện các nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1.220-1.230 điểm trước khi quay lại quá trình đi lên.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.230 – 1.220

Ngưỡng kháng cự: 1.250 – 1.260

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranghtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn